***Mẫu 7: Đề cương chi tiết học phần***

|  |  |
| --- | --- |
|  | TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT  **KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH**  **BỘ MÔN QUẢN LÝ CÔNG** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin tổng quát:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên học phần tiếng Việt** | **CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG KHU VỰC CÔNG** |
| **Tên học phần tiếng Anh** | **Digital transformation in the public sector** |
| **Mã học phần** | BBU4096 |
| Thuộc khối kiến thức | Kiến thức đại cương/ Kiến thức cơ sở ngành/ Kiến thức ngành/ Kiến thức chuyên ngành   |  |  | | --- | --- | | Bắt buộc | x Tự chọn | |
| Trình độ | Đại học |
| Ngành học | Quản lý công |
| Khóa học | 2025-2029 |
| Năm học | 2026-2027 |
| Học kỳ | III |
| Số tín chỉ | 3 tín chỉ  Lý thuyết (15 tiết/tín chỉ): 45  Thực hành: 0 |
| Môn học tiên quyết |  |
| Môn học trước |  |
| Môn học sau |  |
| Môn học song hành |  |
| Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy | Tiếng Việt |
| Các giảng viên phụ trách giảng dạy | TS. Nguyễn Đình Thái |
| Các giảng viên trợ giảng | TS. Nguyễn Ngọc Trường Huy |

**2.Mô tả môn học**

*(Vị trí của môn học đối với chương trình đào tạo (CTĐT), những mục đích và nội dung chính yếu của môn học)*

Mục tiêu của học phần là trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về chuyển đổi số, thể chế số, hạ tầng số, nguồn nhân lực số, hoạt động chuyển đổi số của một số ngành lĩnh vực hiện nay, các nền tảng số đang được ứng dụng và phát triển hiện nay, kiểm soát rủi ro và đảm bảo an ninh, an toàn trên không gian số. Từ đó, người học có khả năng vận dụng những kiến thức được trang bị để chủ động tham gia vào môi trường số, hình thành kỹ năng và thái độ thích ứng với môi trường số.

**3. Tài liệu học tập**

*(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)*

**Giáo trình:**

**Tài liệu khác:**

[1] Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*

[2] Bộ Thông tin và Truyền thông (2022), *Quyết định số 186/QĐ-BTTTT Phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.*

[3] Nitin Seth (2022), (dịch), *Bứt phá thời kỳ số hóa,* Nxb. Trẻ, Hà Nội.

**Phần mềm:**

**4.Mục tiêu môn học**

*(các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL)được phân bổ cho môn học)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **(COx) (1)** | **Mô tả mục tiêu**  **(2)** | **CĐR của CTĐT**  **(PLOx) (3)** | **TĐNL**  **(4)** |
| CO1 | Trang bị kiến thức nền tảng về chuyển đổi số, thể chế số, hạ tầng số, nhân lực số, nền tảng số, cũng như rủi ro và an toàn số | PLO3 | 4 |
| CO2 | Phát triển kỹ năng vận dụng kiến thức chuyển đổi số để thực hiện trong cơ quan, đơn vị và lĩnh vực công tác. | PLO5 | 4 |
| CO3 | Hình thành thái độ, trách nhiệm và nhận thức đúng đắn trong thực hiện chuyển đổi số ở khu vực công. | PLO9 | 4 |

(*1): Ký hiệu mục tiêu của môn học.*

*(2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát*

*(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học.*

**5. Chuẩn đầu ra môn học**

*(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U hoặc I, R, M)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR (CLOx)** | **(1) Mô tả CĐR** | **(2) Mức độ giảng dạy (I, T, U)** |
| **CLO1** | Trình bày và giải thích được khái niệm, nội dung và các thành tố của chuyển đổi số (thể chế số, hạ tầng số, nhân lực số, nền tảng số), đồng thời nhận diện các vấn đề về an toàn, an ninh trên không gian số. | T |
| **CLO2** | Vận dụng được các kiến thức về chuyển đổi số để xây dựng, triển khai chính sách và áp dụng thành thạo nền tảng số trong công tác quản lý, tài chính, lãnh đạo; có kỹ năng kiểm soát rủi ro số. | U |
| **CLO3** | Thể hiện thái độ, quan điểm và trách nhiệm phù hợp trong triển khai chuyển đổi số; có tinh thần hợp tác, ứng xử đúng mực trong môi trường số, gắn với chủ trương, chính sách của Nhà nước | T |

*(1): Ký hiệu CĐR của môn học*

*(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng cụ thể.*

*(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng hoặc I (Introduce): giới thiệu; R(Reinforced): tăng cường; M(Mastery): thành thạo.*

**6. Đánh giá môn học**

*(các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá (1)** | **Bài đánh giá (Ax.x)**  **(2)** | **CĐR môn học (G.x.x) (3)** | **Tỷ lệ %**  **(4)** |
| A1. Đánh giá quá trình | A1.1. Chuyên cần | *CLO1-CLO3* | *20%* |
| A1.2 Tham gia học tập trên lớp (tích cực, hiệu quả) |
| A.1.3. Đọc trước tài liệu |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | A2.1. Thuyết trình, báo cáo kết quả theo nhóm  A2.2. Nộp kết quả nghiên cứu, học tập theo chủ đề được yêu cầu | *CLO1-CLO3* | *30%* |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | A3.1. Thi tự luận trên giấy (không sử dụng tài liệu | *CLO1-CLO3* | *50%* |

*(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá*

*(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá*

*(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học*

**7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết**

*(Các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của môn học)*

***Lý thuyết***

| **TUẦN**  **WEEK** | NỘI DUNG  CONTENT | **CHUẨN ĐẦU RA**  **DETAILED OUTCOME** | **HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY**  **& Tài liệu**  **TEACHING AND LEARNING ACTIVITIES** | **HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ**  **ASSESSMENT EVIDENCE** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | Chương 1  KHÁI QUÁT VỀ  CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG  KHU VỰC CÔNG  Khái niệm, đặc điểm chuyển đổi số trong khu vực công  Khái niệm chuyển đổi số, chuyển đổi số trong khu vực công  Đặc điểm chuyển đổi số trong khu vực công  Bổi cảnh chuyển đổi số trong khu vực công  Bối cảnh quốc tế  Bối cảnh trong nước  Quy trình chuyển đổi số trong khu vực công  Số hóa thông tin  Số hóa quy trình  Số hóa toàn diện (chuyển đổi số)  Vai trò của chuyển đổi số trong khu vực công | *CLO1-CLO3* | **Hoạt động dạy:**  - Giới thiệu nội dung môn học  - Giới thiệu nội quy học tập, các hoạt động có liên quan môn học  - Phân chia nhóm học tập và giới thiệu đề tài thuyết trình  - Trình chiếu, thuyết giảng nội dung  - Đặt câu hỏi, nêu vấn đề thảo luận  **Hoạt động học ở lớp:**  - Nghiên cứu nội dung mục chương 1  **Hoạt động học ngoài lớp:**  - Chọn đề tài thuyết trình của nhóm  - Đọc trước tài liệu | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1  A2.2  A3.1 |
| 2 | Chương 2  XÂY DỰNG  VÀ BAN HÀNH THỂ CHẾ SỐ  Khái niệm, đặc điểm thể chế số  Khái niệm thể chế số  Đặc điểm thể chế số  Yêu cầu của thể chế số  Vai trò của thể chế số  Tổ chức thực hiện thể chế số  Chiến lược chuyển đổi số của Việt Nam | *CLO1-CLO3* | **Hoạt động dạy:**  - Trình chiếu, thuyết giảng nội dung  - Đặt câu hỏi, nêu vấn đề thảo luận  **Hoạt động học ở lớp:**  - Nghiên cứu nội dung chương 2  **Hoạt động học ngoài lớp:**  - Chọn đề tài thuyết trình của nhóm  - Đọc trước tài liệu chương 2 |
| 3 | Chương 3  XÂY DỰNG  VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ  Khái niệm, đặc điểm hạ tầng số  Khái niệm hạ tầng số  Đặc điểm hạ tầng số  Các thành phần của hạ tầng số  Hạ tầng viễn thông và internet  Hạ tầng dữ liệu  Hạ tầng vật lý - số  Hạ tầng tiện ích số và công nghệ như dịch vụ  Yêu cầu đối với hạ tầng số  Dung lượng siêu lớn  Băng thông siêu rộng  Phổ cập  Bền vững  “Xanh”  Thông minh  Mở  An toàn | *CLO1-CLO3* | **Hoạt động dạy:**  - Trình chiếu, thuyết giảng nội dung  - Đặt câu hỏi, nêu vấn đề thảo luận  **Hoạt động học ở lớp:**  - Nghiên cứu nội dung chương 3  **Hoạt động học ngoài lớp:**  - Chọn đề tài thuyết trình của nhóm  - Đọc trước tài liệu chương 3 |
| 4 | Chương 4  XÂY DỰNG  VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ  Khái niệm, đặc điểm nguồn nhân lực số  Khái niệm nguồn nhân lực số  Đặc điểm nguồn nhân lực số  Năng lực nguồn nhân lực số  Kiến thức số  Kỹ năng số  Thái độ số  Các đội ngũ nguồn nhân lực số  Xây dựng và phát triển nhà lãnh đạo số  Xây dựng và phát trển nguồn nhân lực số chất lượng cao  Xây dựng và phát triển chuyên gia số  Vai trò của nguồn nhân lực số trong bối cảnh chuyển đổi số | *CLO1-CLO3* | **Hoạt động dạy:**  - Trình chiếu, thuyết giảng nội dung  - Đặt câu hỏi, nêu vấn đề thảo luận  **Hoạt động học ở lớp:**  - Nghiên cứu nội dung chương 4  **Hoạt động học ngoài lớp:**  - Nhóm xây dựng đề cương thuyết trình, tìm tài liệu  - Đọc trước tài liệu chương 4 |
| **5** | Chương 5  CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG  MỘT SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC  Chuyển đổi số trong hoạt động lãnh đạo, quản lý  Chuyển đổi số trong cung ứng dịch vụ công  Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng  Chuyển đổi số trong lĩnh giao thông vận tải và logistics  Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục  Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế |  |  |  |
| **6,7** | Chương 6  NỀN TẢNG SỐ ỨNG DỤNG  TRONG KHU VỰC CÔNG  Khái quát về nền tảng số  Khái niệm nền tảng số  Đặc điểm nền tảng số  1.2. Các nền tảng số  - Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ  - Nền tảng bản đồ số  - Nền tảng tích hợp và chia sẽ dữ liệu  - Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu  - Nền tảng dạy học trực tuyến  - Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở (moocs)  - Nền tảng hóa đơn điện tử  - Nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử  - Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp  - Nền tảng số truy xuất nguồn gốc nông sản  - Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám tư vấn chữa bệnh từ xa  - Nền tảng quản lý tiêm chủng  - Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử  - Nền tảng trạm y tế xã  - Nền tảng phát thanh số (trực tuyến)  - Nền tảng bảo tàng số  - Nền tảng khảo sát và thu thập ý kiến người dân  - Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch  - Nền tảng thuế điện tử  - Nền tảng bảo hiểu xã hội số  - Nền tảng điện toán đám mây doanh nghiệp  - Nền tảng mô hình ngôn ngữ lớn  - Nền tảng thiết bị IoT  - Nền tảng họp trực tuyến thế hệ mới  - Nền tảng sàn thương mại điện tử  - Nền tảng đại học số  - Nền tảng quản trị tổng thể  - Nền tảng kế toán dịch vụ  - Nền tảng quản trị và kinh doanh vận tải  - Nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh IOC  - Nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC)  - Nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng  - Nền tảng cảng biển số  - Nền tảng cửa khẩu số  - Nền tảng đánh giá sát hạch kỹ năng số  - Nền tảng hệ thống thông tin quản lý bệnh viện  1.3. Phát triển nền tảng số |  |  |  |
| **8** | Chương 7  KIỂM SOÁT RỦI RO VÀ ĐẢM BẢO AN NINH, AN TOÀN TRÊN KHÔNG GIAN SỐ TRONG KHU VỰC CÔNG  Một số khái niệm  Khái niệm kiểm soát rủi ro  An ninh, an toàn trên không gian số  Rủi ro và thách thức trên không gian số  Rủi ro bảo mật thông tin  Rủi ro vận hành  Rủi ro pháp lý  Rủ ro an toàn, an ninh mạng và xã hội  Biện pháp kiểm soát rủi ro, bảo đảm an ninh, an toàn trên không gian số  Hoàn thiện cơ sở pháp lý và chính sách  Đầu tư và nâng cập hạ tầng kỹ thuật  Quản lý dữ liệu và quyền riêng tư  Tăng cường năng lực quản lý rủi ro  Xử lý thông tin và truyền thông  Đẩy mạnh hợp tác quốc tế | *CLO1-CLO3* |  |  |
| **9** | Thảo luận tình huống + seminar nhóm | CLO1, CLO2, CLO3 | **TLM15/16/17** (nghiên cứu độc lập + trình bày)  Nộp bộ sản phẩm nhóm | Chấm **A1.1** & hoàn tất **A1.2** |
| **10** | Ôn tập – kiểm tra cuối kỳ (hoặc báo cáo nhóm) | CLO1, CLO2, CLO3 | Ôn tập có hướng dẫn | **A3.1** Kiểm tra trên giấy |

*(1): Thông tin về tuần/buổi học.*

*(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục*

*(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),*

*(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)*

*(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)*

**8. Tổng thời lượng học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Hoạt động dạy và học** | **Số lần** | **Thời lượng (giờ)** | **Tổng thời lượng (giờ)** |
| ﻿Thời lượng học trên lớp (bao gồm cả tuần thi) | Giảng dạy theo kế hoạch (9 buổi lý thuyết + thảo luận) | 9 | 4,5 | 40,5 |
| Kiểm tra/ôn tập + thi cuối kỳ (1 buổi) | 1 | 4,5 | 4,5 |
| Tự học ngoài giờ | Đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước giờ học | 10 | 3 | 30 |
| Bài tập tình huống (A1.1, A1.2, A1.3) | 3 | 6 | 18 |
| Bài luận/tiểu luận cá nhân (A2.1) | 1 | 15 | 15 |
| Thuyết trình nhóm | 1 | 6 | 6 |
| Ôn tập, chuẩn bị thi cuối kỳ | 1 | 18-24 | 18-24 |
| **Tổng thời lượng/150 giờ** | |  |  | 130-150 |
| **﻿ Chuyển đổi tín chỉ theo ECTS** | |  |  | 3 |

*Ghi chú: 1 tiết = 50 phút = 5/6 giờ; 1 tín chỉ 50h học tập bao gồm cả thời gian học tập trên lớp, tự học, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá.*

**9. Quy định của môn học**

*(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)*

**9.1.Quy định về tham dự lớp học**

*- Sinh viên có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp phải nghỉ học vì lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.*

*- Các quy định khác theo quy định chung của Trường Đại học Kinh tế - Luật.*

**9.2.Quy định về hành vi trong lớp học**

*- Khóa học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.*

*- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.*

*- Tuyệt đối không được ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện tử như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.*

*- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.*

**9.3. Quy định về học vụ**

*- Lớp học được phân chia thành các nhóm, mỗi nhóm được nhận một đề tài/bài tập tình huống trong phạm vi môn học và do giảng viên đề xuất.*

*- Phương pháp đánh giá nội dung thuyết trình và kiểm tra được qui định chi tiết trong Mục 7 của đề cương môn học.*

*- Các vấn đề liên quan đến bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Kinh tế-Luật, ĐHQG-HCM.*

**10. Phụ trách môn học**

- Khoa: Quản trị kinh doanh

- Bộ môn: Quản lý công

- Địa chỉ và email liên hệ: [khoaqtkd@uel.edu.vn](mailto:khoaqtkd@uel.edu.vn)

**11.Đề cương được cập nhật và biên soạn ngày:** **15/4/2025**

**12. Đề cương được thẩm định và thông qua ngày: 18/4/2025**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2025*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **GIẢNG VIÊN**    **Nguyễn Đình Thái** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **Nguyễn Thị Thu Hòa** | **TRƯỞNG KHOA**  A blue letter on a black background  Description automatically generated  **Trần Thị Hồng Liên** |